

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/11/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Đông

2. Bà Đặng Ngọc Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trần Phú T, sinh năm 1951; địa chỉ tại Tổ dân phố H, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. (xin vắng mặt)

*** Bị đơn:** Trần Thị S, sinh năm 1955; địa chỉ số B, đường Đ, khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trần Phú T trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên ông và bà Trần Thị S tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/12/1984. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 1987 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà S. Về con chung, có 01 con chung tên Trần Xuân P, sinh năm 1988 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2023, bị đơn Trần Thị S trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông Trần Phú T về quan hệ hôn nhân; vợ chồng chung sống từ năm 1984 đến năm 1987 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T thì bà cũng đồng ý, vì mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung như ông T trình bày, hiện nay anh P đang sống chung với bà, anh P đã có vợ và việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Phú T khởi kiện bà Trần Thị S có địa chỉ tại thành phố V để yêu cầu xin ly hôn; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú T, Hội đồng xét xử thấy: Ông T và bà Trần Thị S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã V (nay là thành phố V), tỉnh Vĩnh Long ngày 27/12/1984, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 1987 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên đã ly thân cho đến nay, từ đó cuộc sống của ai người đó sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết, bà S cũng xác định quá trình hôn nhân như ông T trình bày là đúng và đồng ý ly hôn. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T, bà S đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, ông T yêu cầu được ly hôn với bà S là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Ông T, bà S chung sống có 01 con chung tên Trần Xuân P, sinh năm 1988, hiện nay đã trưởng thành và có công việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Phú T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trần Phú T là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm nên ông T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Phú T. Ông T **được ly hôn với bà Trần Thị S.**

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Xuân P, sinh ngày 30/3/1988, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Phú T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Phú T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Trần Phú T, bà Trần Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; (số 920, ngày 27/12/1984)
- Lưu: Hồ sơ,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tấn Thành